TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tân
Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T** Sinh năm: 199x
Địa chỉ: Đường x, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.
- Bị đơn: Ông **Võ Trung Th** Sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Võ Thị T) và ông Võ Trung Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã D ngày 04/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống cùng với gia đình nhà chồng tại xã D (nay là xã B), huyện D. Thời gian đầu quan hệ vợ chồng bình thường; nhưng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mặt tài chính; ông Th hay đi sớm về khuya, ăn chơi nhậu nhẹt không quan tâm đến bà và gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Th không thay đổi, có lần còn đánh bà, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2020 (thời điểm bà gần sinh con) do không thể tiếp tục chung sống với ông Th được nữa nên bà đã

về nhà cha mẹ đẻ tại thành phố N sinh sống. Vài tháng đầu, ông Th thỉnh thoảng có gọi điện, đến thăm vợ con nhưng sau đó không đến thăm vợ con và cũng không liên lạc với bà; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông Th; không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Võ Minh K, sinh ngày: 20/10/202x và hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Trung Th không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Võ Trung Th. Giao con chung Võ Minh K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xét. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Võ Trung Th tham gia phiên tòa nhưng ông Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 04/10/2019, bà Võ Thị T và ông Võ Trung Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2019; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, bà T không còn tình cảm với ông Th; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà

được ly hôn ông Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và nhiều lần triệu tập ông Th đến Tòa án để làm việc về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông Th đều không đến, không có văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa ông Th cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông Th có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không có mong muốn hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế, vợ chồng bà T, ông Th đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2020 đến nay; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 01 con chung là Võ Minh K. Tại Giấy khai sinh của Võ Minh K thể hiện Võ Minh K sinh ngày: 20/10/202x là con của ông Võ Trung Th và bà Võ Thị T. Hiện tại, cháu K dưới 03 tuổi và đang sinh sống với bà T. Do đó, có cơ sở giao cháu K cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà T. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Võ Trung Th chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Võ Thị T được ly hôn ông Võ Trung Th.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Võ Minh K, sinh ngày: 20/10/202x cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà Võ Thị T tự

nguyện không yêu cầu ông Võ Trung Th cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Võ Trung Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Võ Thị T, ông Võ Trung Th có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết. Bị đơn ông Võ Trung Th chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Võ Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002055 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; như vậy, bà Võ Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Trung Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã B, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín